

BÀI THỰC HÀNH SỐ 3

- A.** Tạo CSDL có tên **MarkManagement**
- B.** Tạo các bảng dữ liệu sau trong CSDL vừa tạo với các chỉ định ràng buộc tương ứng

Table : Students		
Column Names	Data Type	Description
StudentID	Nvarchar(12)	PRIMARY KEY
StudentName	Nvarchar(25)	NOT NULL
DateofBirth	Datetime	NOTNULL
Email	Nvarchar(40)	
Phone	Nvarchar(12)	
Class	Nvarchar(10)	

Table : Subjects		
Column Names	Data Type	Description
SubjectID	Nvarchar(10)	PRIMARY KEY
SubjectName	Nvarchar(25)	NOT NULL

Table : Mark		
Column Names	Data Type	Description
<u>StudentID</u>	Nvarchar(12)	PRIMARY KEY
<u>SubjectID</u>	Nvarchar(10)	
Date	Datetime	
Theory	Tinyint	
Practical	Tinyint	

C. Chèn dữ liệu sau đây vào các bảng trên (2 điểm)

Table: Students

StudentID	StudentName	Date of Birth	Email	Phone	Class
AV0807005	Mail Trung Hiếu	11/10/1989	trunghieu@yahoo.com	0904115116	AV1
AV0807006	Nguyễn Quý Hùng	2/12/1988	quyhung@yahoo.com	0955667787	AV2
AV0807007	Đỗ Đắc Huỳnh	2/1/1990	dachuynh@yahoo.com	0988574747	AV2

AV0807009	An Đăng Khuê	6/3/1986	dangkhue@yahoo.com	0986757463	AV1
AV0807010	Nguyễn T. Tuyết Lan	12/7/1989	tuyetlan@gmail.com	0983310342	AV2
AV0807011	Đinh Phụng Long	2/12/1990	phunglong@yahoo.com		AV1
AV0807012	Nguyễn Tuấn Nam	2/3/1990	tuannam@yahoo.com		AV1

Table: Subject

SubjectID	SubjectName
S001	SQL
S002	Java Simplefield
S003	Active Server Page

Table: Mark

StudentID	SubjectID	Theory	Practical	Date
AV0807005	S001	8	25	6/5/2008
AV0807006	S002	16	30	6/5/2008
AV0807007	S001	10	25	6/5/2008
AV0807009	S003	7	13	6/5/2008
AV0807010	S003	9	16	6/5/2008
AV0807011	S002	8	30	6/5/2008
AV0807012	S001	7	31	6/5/2008
AV0807005	S002	12	11	6/6/2008
AV0807009	S003	11	20	6/6/2008
AV0807010	S001	7	6	6/6/2008

D. Thực hiện các truy vấn sau trên cơ sở dữ liệu trên (mỗi câu 2 điểm):

1. Hiển thị nội dung bảng Students
2. Hiển thị nội dung danh sách sinh viên lớp AV1
3. Sử dụng lệnh UPDATE để chuyển sinh viên có mã AV0807012 sang lớp AV2
4. Tính tổng số sinh viên của từng lớp
5. Hiển thị danh sách sinh viên lớp AV2 được sắp xếp tăng dần theo StudentName
6. Hiển thị danh sách sinh viên không đạt lý thuyết môn S001 (theory <10) thi ngày 6/5/2008

7. Hiển thị tổng số sinh viên không đạt lý thuyết môn S001. (theory <10)
8. Hiển thị Danh sách sinh viên học lớp AV1 và sinh sau ngày 1/1/1980
9. Xóa sinh viên có mã AV0807011
10. Hiển thị danh sách sinh viên dự thi môn có mã S001 ngày 6/5/2008 bao gồm các trường sau: StudentID, StudentName, SubjectName, Theory, Practical, Date

BÀI THỰC HÀNH SỐ 4

VIEW

- View – Khung nhìn
- Khi tạo câu lệnh SQL – khi tắt máy câu lệnh sẽ mất đi, không được lưu lại, cho nên ta khó kiểm soát các câu lệnh và sử

dụng lại nó, cho nên phải có 1 nơi lưu lại các câu lệnh sql – đó là các view (bảng ảo – hay khung nhìn)

- Cú pháp view

create view tenview

as

câu lệnh SQL

- Khi thực thi view ta chạy cả đoạn lệnh trên
- Khi gọi view cú pháp như sau

select * from tenview

- Khi xóa view

Drop view tenview

- Khi thay đổi nội dung view

Alter view tenview

as Câu lệnh SQL thay đổi

BÀI THỰC HÀNH

Câu 1: Tạo csdl QLKHO gồm 3 bảng:

Nhap (SoHDN,MaVT,SoLuongN,DonGiaN,NgayN)

Xuat (SoHDX,MaVT,SoLuongX,DonGiaX,NgayX)

Ton (MaVT,TenVT,SoLuongT)

Xây dựng mô hình quan hệ cho 3 bảng trên, ở bảng nhập hãy nhập 3 phiếu nhập, ở bảng xuất nhập 2 phiếu xuất, bảng Ton nhập 5 vật tư khác nhau.

Câu 2: thống kê tiền bán theo mã vật tư gồm MaVT, TênVT, TienBan ($TienBan = SoLuongX * DonGiaX$)

CREATE VIEW CAU2

AS

select ton.mavt,tenvt,sum(soluongx*dongiax) as 'tien ban'
from xuat inner join ton on xuat.mavt=ton.mavt
group by ton.mavt,tenvt

TEST

SELECT * FROM CAU2

câu 3- thống kê soluongxuat theo tên vattu

CREATE VIEW CAU3

AS

select ton.tenvt, sum(soluongx) as 'tong sl'
from xuat inner join ton on xuat.mavt=ton.mavt
group by ton.tenvt

TEST

SELECT * FROM CAU3

câu 4 - thống kê soluongnhap theo tên vật tư

câu 5- đưa ra tổng soluong còn trong kho biết còn = nhập – xuất
+ tồn theo từng nhóm vật tư

CREATE VIEW CAU5

AS

```

select ton.mavt,ton.tenvt,sum(soluongN)-sum(soluongX) +
sum(soluongT) as tongton
from nhap inner join ton on nhap.mavt=ton.mavt
        inner join xuất on ton.mavt=xuat.mavt
group by ton.mavt,ton.tenvt

```

cau 6 đưa ra tên vật tư số lượng tồn nhiều nhất

```

CREATE VIEW CAU6
AS

```

```

select tenvt
from ton
where soluongT = (select max(soluongT) from Ton)
-----

```

câu 7 đưa ra các vật tư có tổng số lượng xuất lớn hơn 100

```

CREATE VIEW CAU7
AS

```

```

select ton.mavt,ton.tenvt
from ton inner join xuất on ton.mavt=xuat.mavt
group by ton.mavt,ton.tenvt
having sum(soluongX)>=100 ---sum count max min cho nhóm

```

Câu 8. Tạo view đưa ra tháng xuất, năm xuất, tổng số lượng xuất thống kê theo tháng và năm xuất

câu 9. tạo view đưa ra mã vật tư. tên vật tư. số lượng nhập. số lượng xuất. đơn giá N. đơn giá X. ngày nhập. Ngày xuất

Câu 10. Tạo view đưa ra mã vật tư. tên vật tư và tổng số lượng còn lại trong kho. biết còn lại = SoluongN-
SoLuongX+SoLuongT

theo từng loại Vật tư trong năm 2015